

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khánh Thành, bà Cao Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và thông báo thay đổi Hội thẩm nhân dân số 36/2023/TB-TA ngày 29 - 3- 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn H, sinh năm 1986

HKTT: 60/B3, ấp ĐL, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân số: 075 086 014 313, cấp ngày 28/6/2021.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã L, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1986

Địa chỉ: 60/B3, ấp ĐL, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(anh H vắng mặt, chị H2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn H và chị Hoàng Thị H2 quen biết nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2012. Đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của anh H.

Sau khi kết hôn vợ chồng trung sống hạnh phúc được thời gian đầu cho đến khi sinh người con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp nhau, do anh H phải đi làm xa một tuần mới về nhà một lần, mỗi

lần về nhà thì chị H2 dùng những lời lẽ khó chịu nói với anh H dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Do anh H đi làm thuê lương thấp nên không có nhiều tiền để phụ giúp nuôi con nên chị H2 tỏ ra coi thường, không tôn trọng anh H và gia đình bố mẹ bên nhà anh H. Quá trình chung sống chị H2 có biểu hiện không chung thủy, thường nhắn tin với người đàn ông khác, anh H có phát hiện và nói chuyện thì chị H2 không thừa nhận. Mâu thuẫn giữa anh H và chị H2 đã được gia đình hai bên hòa giải rất nhiều lần nhưng không giải quyết được. Do mâu thuẫn trầm trọng, mỗi lần gặp nhau đều xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau nên cách đây 04 năm cho đến nay giữa anh H và chị H2 đã ly thân với nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, anh H chỉ về nhà để tham con chứ giữa anh H và chị H2 không còn nói chuyện với nhau. Hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục, không thể sống chung với nhau. Vì vậy anh H yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị H2.

Về con chung: Theo anh H vợ chồng chung sống có các con chung là Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013, Nguyễn Tr, sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013, không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi cháu Sang.

Anh H đồng ý giao các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi các cháu Tr và M mỗi tháng 2.500.000 đồng/ hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị H2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H2 thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với anh Nguyễn H như anh H trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của chị H2.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian chung sống không được lâu, vợ chồng ít chung sống với nhau, anh H đi làm nhưng không phụ giúp chị H2 nuôi con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hòa giải nhưng không giải quyết được. Mâu thuẫn kéo dài cách đây khoảng 01 năm anh H chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau, từ đó đến nay giữa chị H2 và anh H đã mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tuy nhiên, việc anh H trình bày chị H2 có quan hệ với người đàn ông khác chị H2 không đồng ý.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nhưng do chị H2 là người theo đạo Công Giáo nên không thể ký thủ tục ly hôn được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Theo chị H2, vợ chồng chung sống có 03 con chung là Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013, Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị H2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015, Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 anh H cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu M mỗi tháng 2.500.000 đồng/ hai cháu chị H2 đồng ý.

Chị H2 đồng ý giao cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H2 không cấp dưỡng nuôi cháu Sang.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: xét sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, cũng như nguyện vọng các con chung. Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 mỗi tháng 2.500.000 đồng/ hai cháu. Chị H2 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013.

Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Hoàng Thị H2 có nơi cư trú tại: số 60/B3, ấp ĐL, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn chị Hoàng Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý

do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị H2.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Hoàng Thị H2 tự nguyện kết hôn có đăng ký và được xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2012. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh H và chị H2 là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh H thì thấy:

Theo trình bày của anh H và chị H2 HĐXX nhận thấy về mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị H2 đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tình tình vợ chồng không hợp nhau, quá trình chung sống thiếu sự quan tâm đến nhau, không tin tưởng nhau về tiền bạc và tình cảm. Do mâu thuẫn, anh H và chị H2 đều thừa nhận anh chị mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, giữa anh H và chị H2 không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Chị H2 thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nhưng chị H2 theo đạo công giáo nên chị không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn chị đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của anh H và chị H2 đã đề xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, quá trình chung sống của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể hàn gắn nên nguyện vọng ly hôn của anh H là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn H và chị Hoàng Thị H2 thừa nhận anh chị chung sống có 03 con chung là Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013, Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018.

Trường hợp ly hôn, anh chị thỏa thuận giao các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 mỗi tháng 2.500.000 đồng/hai cháu. Chị H2 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013.

Xét thỏa thuận của anh H và chị H2 là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Căn cứ các Điều 81,82,83,84,85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị H2.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 ; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của anh Nguyễn H.

+ **Về quan hệ hôn nhân:** xử cho anh Nguyễn H và chị Hoàng Thị H2 được ly hôn.

+ **Về con chung:** Giao các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 09/12/2015 và Nguyễn M, sinh ngày 08/9/2018 mỗi tháng 2.500.000 đồng/ hai cháu. thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H2 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn S, sinh ngày 20/5/2013.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo vệ và tôn trọng mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm) nghìn đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009188 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Anh Nguyễn H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm) nghìn đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H và chị H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã GT, h TN,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc